

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 68/2014/NĐ-CP ngày 09/7/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 124/2012/TT-BTC”) và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 125/2012/TT-BTC”).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC

1. Bổ sung tiết d điểm 1.2 Khoản 1 Điều 5 như sau:

“đ) Quy định tại tiết a, b và c điểm 1.2 Khoản này không áp dụng đối với công ty cổ phần môi giới bảo hiểm.”

2. Sửa đổi Khoản 7 Điều 7 như sau:

“7. Bằng chứng chứng minh quyền sử dụng địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính và các chi nhánh của doanh nghiệp (nếu có) được thành lập.”

3. Sửa đổi Khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của chủ đầu tư, Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.”

4. Bổ sung tiết g Khoản 2 Điều 12 như sau:

“g) Thiết lập hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp và quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.”

5. Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do bằng văn bản.”

6. Sửa đổi điểm c Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi điểm c Khoản 1 như sau:

“c) Trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận cấp phép. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do. Trường hợp chấp thuận, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi điểm b Khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a Khoản này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do. Trường hợp chấp thuận, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.”

7. Sửa đổi Khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận phải giải thích lý do.”

8. Sửa đổi Khoản 5 Điều 17 như sau:

“5. Trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này (đối với doanh nghiệp bảo hiểm) và Khoản 4 Điều này (đối với chi nhánh nước ngoài), Bộ Tài chính có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận đề nghị của doanh nghiệp, chi nhánh nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận phải nêu rõ lý do. Trường hợp chấp thuận, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.”

9. Sửa đổi Khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do. Nếu quá thời hạn trên Bộ Tài chính không có văn bản trả lời, việc đề nghị thay đổi Chủ tịch, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, thay đổi Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh nước ngoài đương nhiên được chấp thuận.”

10. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 28 như sau:

“4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm.”

11. Sửa đổi Khoản 4 Điều 32 như sau:

“4. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm b Khoản 1 hoặc điểm b Khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận việc bổ nhiệm, thay đổi chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do. Nếu quá thời hạn trên Bộ Tài chính không có văn bản trả lời, việc bổ nhiệm, thay đổi chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đương nhiên được chấp thuận.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Tiêu chuẩn và sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài

1. Tiêu chuẩn chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán:

a) Là thành viên (fellow) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc

b) Có tối thiểu năm (05) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài) hoặc trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe (đối với doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe), và có tối thiểu 02 chứng chỉ tính toán được cấp bởi một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Scotland, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa;

c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

d) Chưa vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm (đối với trường hợp chuyên gia tính dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, chi nhánh nước ngoài là thành viên của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế).

2. Hình thức sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán:

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài được sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán theo các hình thức sau:

a) Sử dụng người lao động của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài.

b) Thuê chuyên gia tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán bảo hiểm.

c) Thuê hoặc dùng chuyên gia tính toán của chủ đầu tư hoặc công ty mẹ hoặc công ty trong cùng tập đoàn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài.

3. Kể từ ngày 01/01/2016, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài phải sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.”

13. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài nộp Bộ Tài chính một (01) bộ hồ sơ đăng ký chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán bao gồm các tài liệu sau:

a) Trường hợp sử dụng người lao động của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài:

- Đơn xin đăng ký chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán có chữ ký của Chủ tịch hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài;

- Văn bằng, chứng chỉ (bản sao công chứng), sơ yếu lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm làm chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài;

- Lý lịch tư pháp (bản gốc) của người dự kiến được bổ nhiệm làm chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài;

- Giấy chứng nhận tư cách thành viên (bản sao chứng thực) và văn bản xác nhận của Hội các nhà tính toán bảo hiểm về việc chưa vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm (bản gốc) tính đến thời điểm dự kiến được bổ nhiệm trong trường hợp là thành viên của Hội các nhà tính toán bảo hiểm.

- Hợp đồng lao động (bản sao chứng thực) hoặc hợp đồng nguyên tắc (bản gốc) ký kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài với người dự kiến bổ nhiệm là chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán.

b) Trường hợp thuê chuyên gia tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán bảo hiểm:

- Các tài liệu quy định từ gạch đầu dòng thứ nhất đến gạch đầu dòng thứ tư điểm a Khoản 1 Điều này;

- Hợp đồng nguyên tắc (bản gốc) về cung cấp dịch vụ ký kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài và tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán bảo hiểm;

- Giấy phép thành lập của tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán bảo hiểm (bản sao chứng thực).

c) Trường hợp thuê hoặc dùng chuyên gia tính toán của chủ đầu tư hoặc công ty mẹ hoặc công ty trong cùng tập đoàn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài:

- Các tài liệu quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

- Văn bản thỏa thuận hoặc chấp thuận (bản gốc) về việc cho phép doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài thuê hoặc dùng chuyên gia tính toán của chủ đầu tư